

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 9.448.615.553 | 10.887.499.568 |
| Lãi bán ngoại tệ | 8.121.120.399 | 1.003.320.919 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 9.227.780.153 | 6.632.479.059 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 19.673.377.460 | 7.616.594.382 |
| Cộng | 46.470.893.565 | 26.139.893.928 |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lỗ bán ngoại tệ | 1.157.500.765 | 1.066.600.180 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 6.465.359.529 | 3.285.599.649 |
| Cộng | 7.622.860.294 | 4.352.199.829 |

25. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Thu nhập tiền bán hồ sơ thầu | - | 281.949.091 |
| Thu nhập từ thanh lý TSCĐ | - | 110.611.909 |
| Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, điện, nước | 214.090.906 | 16.363.638 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 31.923.047 | 156.935.225 |
| Thu nhập khác | 568.186.450 | 1.460.005.055 |
| Cộng | 814.200.403 | 2.025.864.918 |

26. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|-----------------------|----------------------|
| Giá trị còn lại TSCĐ bị dờ bỏ (là bể bơi của khu Dịch vụ HK) | 1.578.970.223 | - |
| Giá trị tài sản thiệt hại không được bảo hiểm bồi thường | - | 71.364.800 |
| Thuế nhà thầu bổ sung theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước năm 2013 | - | 3.795.811.952 |
| Giá trị tài sản thiệt hại do thiên tai | 1.205.351.691 | - |
| Tiền thông báo mời thầu | - | 69.921.090 |
| Chi phí công tác chuẩn bị đầu tư dự án nay không thực hiện nữa của dự án "Tổ hợp dịch vụ kỹ thuật, văn phòng thương mại 58 Trường Sơn" | 1.774.926.024 | - |
| Lãi chậm nộp | 7.973.139.674 | - |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 13.545.455 | 50.296.667 |
| Các khoản chi phí khác | 170.217.558 | 571.493.440 |
| Cộng | 12.716.150.625 | 4.558.887.949 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 630.822.457.607 | 488.428.239.587 |
| Trong đó: | | |
| <i>Lợi nhuận kế toán trước thuế của các năm trước do điều chỉnh của KTNN, Cục Hàng không, Bộ GTVT và Tổng Cục thuế</i> | - | 14.476.902.160 |
| <i>Trong đó, lợi nhuận không chịu thuế TNDN là lợi nhuận từ Công ty con năm 2013</i> | - | 425.569.006 |
| Lợi nhuận năm hiện hành | 630.822.457.607 | 473.951.337.427 |
| Các khoản điều chỉnh cho lợi nhuận năm hiện hành | | |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | 13.567.989.788 | 154.617.693 |
| Lãi chậm nộp | 7.972.274.281 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước, năm nay đã thực hiện | 3.522.128.862 | - |
| Chi phí không được trừ khác | 2.073.586.645 | 154.617.693 |
| + Các khoản điều chỉnh giảm | 14.751.427.553 | 7.640.769.330 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 5.523.647.400 | 1.433.859.277 |
| Lợi nhuận Công ty con chuyển về Công ty mẹ | 9.227.780.153 | 6.206.910.053 |
| Lợi nhuận trước thuế tính cho các năm trước | - | 14.051.333.154 |
| Lợi nhuận trước thuế năm hiện hành | 629.639.019.842 | 466.465.185.790 |
| Thuế TNDN tương ứng với lợi nhuận các năm trước | - | 3.512.833.289 |
| Thuế TNDN tương ứng với lợi nhuận năm hiện hành | 138.520.584.367 | 102.622.340.878 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 138.520.584.367 | 106.135.174.166 |
| Cộng | 138.520.584.367 | 106.135.174.166 |

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Tổng Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các loại công cụ tài chính

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 756.964.108.505 | 438.010.984.474 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 13.844.048.444 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 634.916.186.781 | 685.326.002.668 |
| Cộng | 1.391.880.295.286 | 1.137.181.035.586 |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 10.021.116.357 | 433.300.660 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 114.840.828.745 | 140.980.656.833 |
| Chi phí phải trả | 72.538.599.726 | 45.327.721.114 |
| Cộng | 197.400.544.828 | 186.741.678.607 |
| Trạng thái ròng | 1.194.479.750.458 | 950.439.356.979 |

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Mục tiêu quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành hàng không và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

| | Dưới 1 năm VND | Từ trên 1 năm VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| 31/12/2015 | | | |
| Vay và nợ | - | 10.021.116.357 | 10.021.116.357 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 91.307.636.018 | 23.533.192.727 | 114.840.828.745 |
| Chi phí phải trả | 72.538.599.726 | - | 72.538.599.726 |
| Cộng | 163.846.235.744 | 33.554.309.084 | 197.400.544.828 |
| 01/01/2015 | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | 433.300.660 | 433.300.660 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 123.662.182.965 | 17.318.473.868 | 140.980.656.833 |
| Chi phí phải trả | 45.327.721.114 | - | 45.327.721.114 |
| Cộng | 168.989.904.079 | 17.751.774.528 | 186.741.678.607 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm | Từ trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND |
| 31/12/2015 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 756.964.108.505 | - | 756.964.108.505 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 634.909.115.879 | 7.070.902 | 634.916.186.781 |
| Cộng | 1.391.873.224.384 | 7.070.902 | 1.391.880.295.286 |
| 01/01/2015 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 438.010.984.474 | - | 438.010.984.474 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 13.844.048.444 | - | 13.844.048.444 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 683.277.400.618 | 2.048.602.050 | 685.326.002.668 |
| Cộng | 1.135.132.433.536 | 2.048.602.050 | 1.137.181.035.586 |

29. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

29.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| | Mối quan hệ | Năm 2015 | Năm 2014 |
|-------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | VND | VND |
| Mua hàng từ các bên liên quan | | 141.170.329.994 | 121.149.070.313 |
| - Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay | Công ty con | 141.170.329.994 | 121.149.070.313 |
| Cổ tức, lợi nhuận nhận về | | 9.227.780.153 | 6.206.910.053 |
| - Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay | Công ty con | 9.227.780.153 | 6.206.910.053 |

29.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| | Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-----------------------------------|-------------|------------|----------------|
| | | VND | VND |
| Phải trả khác | | - | 10.590.709.411 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay | Công ty con | - | 10.590.709.411 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

| Mã số | Khoản mục | Số tiền |
|-------|--|-------------------|
| 135 | Phải thu ngắn hạn khác | 15.697.602.123 |
| 158 | Tài sản ngắn hạn khác | 93.051.955.073 |
| 268 | Tài sản dài hạn khác | 2.048.602.050 |
| 218 | Phải thu dài hạn khác | - |
| 230 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 526.327.849.437 |
| 312 | Phải trả người bán | 118.400.064.219 |
| 316 | Chi phí phải trả | 45.327.721.114 |
| 319 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 23.008.976.344 |
| 333 | Phải trả dài hạn khác | 17.230.430.947 |
| 334 | Vay và nợ dài hạn | 433.300.660 |
| 411 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 2.006.090.104.063 |
| 417 | Quỹ đầu tư phát triển | 420.553.355.170 |
| 420 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.960.225.046 |

Trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

| Mã số | Khoản mục | Số tiền |
|-------|---|-------------------|
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 108.749.557.196 |
| 155 | Tài sản ngắn hạn khác | - |
| 268 | Tài sản dài hạn khác | - |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 2.048.602.050 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 526.327.849.437 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 118.400.064.219 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 45.327.721.114 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 23.008.976.344 |
| 337 | Phải trả dài hạn khác | 17.230.430.947 |
| 338 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 433.300.660 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 2.006.090.104.063 |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 420.553.355.170 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.960.225.046 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 1.802.049.680 |
| 421b | - LNST chưa phân phối năm nay | 1.158.175.366 |



Phạm Việt Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Ngô Thị Quỳnh Hà
Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Hoa
Người lập

TÔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

